SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRUNG TÂM DVĐG TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 100 /TB-ĐGTS

Bình Phước, ngày 21 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ đấu giá tài sản số 01/HĐ-DVĐGTS ngày 17/08/2023 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú.

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước thông báo đấu giá tài sản với nội dung sau:

1. Tổ chức đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Người có tài sản đấu giá: Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú

Địa chỉ: Đường ĐT.741, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

3. Tài sản đấu giá : 9,089 m3 gỗ cây đứng Giá tỵ (tếch) và 1,304 ster củi (gỗ tận dụng cành, nhánh) (có bảng kê kèm theo).

Địa chỉ tài sản: Lâm phần thuộc quản lý của Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú, ấp Đồng Tân, xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Tổng giá khởi điểm: 69.911.489 đồng (Sáu mươi chín triệu, chín trăm mười một ngàn, bốn trăm tám mươi chín đồng).

Nguồn gốc tài sản: là tài sản thanh lý do Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú chuyển giao để đấu giá.

4. Tiền đặt trước: 20% trên giá khởi điểm của tài sản

Thời gian thu tiền đặt trước: Trong thời gian 03 ngày làm việc là ngày **06/9; 07/9 và đến 17 giờ 00 phút ngày 08/9/2023**. Tuy nhiên người tham gia đấu giá có nhu cầu nộp tiền đặt trước trước thời gian quy định trên thì phải thỏa thuận với Trung tâm bằng văn bản

5. Thời gian bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá từ ngày **21/8/2023** đến 17 giờ 00 phút ngày **08/9/2023.**

6. Địa điểm bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá

Tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước, Đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Phú, tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

7. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Ngày 24/8/2023 và ngày 25/8/2023 (trong giờ hành chính), tại nơi có tài sản. Khách hàng liên hệ Đ/c Hồng, SĐT: 0917.882.949 để được hướng dẫn xem tài sản.

8. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước từ ngày 21/08/2023 đến 17 giờ 00 ngày 08/09/2023. Trường hợp tổ chức, cá nhân không trực tiếp đi đăng ký tham gia đấu giá thì phải có văn bản ủy quyền, giới thiệu được ký tên, đóng dấu của Tổ chức hoặc văn bản ủy quyền phải được công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng, chứng thực chữ ký tại UBND xã, phường, thị trấn theo quy định (đối với cá nhân).

9. Thời gian, địa điểm đấu giá

Vào lúc **14** giờ **30** phút ngày **11/9/2023** tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

10. Tiền hồ sơ tham gia: 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng)/ Hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì hồ sơ và tiền hồ sơ không trả lại cho khách hàng.

11. Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá

12. Phương thức đấu giá: trả giá lên.

13. Bước giá mỗi vòng đấu: 01% (Một phần trăm)

14. Số vòng đấu: Nhiều vòng (không giới hạn số vòng đấu)

15. Đối tượng đăng ký tham gia đấu giá

Mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng năng lực hành vi dân sự, năng lực tài chính , có nhu cầu đều có quyền tham gia đấu giá. Trừ các đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4, Điều 38, Luật đấu giá tài sản năm 2016. Trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá không trực tiếp tham gia đấu giá mà ủy quyền cho người khác thì việc ủy quyền, giới thiệu phải đúng quy định của pháp luật (văn bản ủy quyền phải có công chứng của tổ chức hành nghề công chứng hoặc tổ chức ủy quyền, giới thiệu tham gia đấu giá phải thực hiện bằng văn bản có ký tên đóng dấu của tổ chức đó).

16. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá

- Thuộc đối tượng đăng ký tham gia đấu giá

- Có đơn tham gia đấu giá theo mẫu do Trung tâm dịch vụ đấu giá phát hành.

- Bản sao CMND/ CCCD của người đăng ký tham gia và của người được ủy quyền (nếu có) có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nếu nếu là cá nhân.

- Bản sao CMND/ CCCD của người đại diện theo pháp luật, giấy đăng ký kinh doanh và của người được ủy quyền (nếu có) có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nếu là tổ chức.

- Cam kết xem tài sản (nếu có) và nộp tiền hồ sơ đăng ký tham gia

*** Hồ sơ hợp lệ gồm:**

- Có đơn tham gia đấu giá theo mẫu do Trung tâm dịch vụ đấu giá phát hành.

- Bản sao CMND/CCCD/HC của người đăng ký tham gia và của người được ủy quyền (nếu có) có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nếu là cá nhân.

- Bản sao CMND/CCCD/HC và giấy đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật và của người được ủy quyền (nếu có) có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nếu là tổ chức.

- Có cam kết xem tài sản (nếu có)

- Nộp tiền hồ sơ và tiền tiền đặt trước đủ và đúng thời gian quy định.

Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin liên hệ tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước; Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, Tân Phú, Đồng Xoài, Bình Phước; ĐT: 02713.860216./.

Nơi nhận:
- Cổng TT điện tử tỉnh BP; | Đăng Website
- Thời báo tài chính Việt Nam;
- Sở Tư Pháp;
- Trang TT về ĐGTS;
- Niêm yết;
- Lưu VT,HS.

GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Ngô Điền Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ GỖ (GIÁ TỴ) KHAI THÁC, TẬN THU GÃY ĐỔ DO THIÊN TAI TRONG RỪNG TRỒNG SẢN XUẤT THUỘC HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Quyết định số 4781 /QĐ-UBND ngày 03 / 8/2023 của UBND huyện Đồng Phú)

STT	Tên tài sản	Đường kính, quy cách						Đơn giá (đồng/m^3)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Đường kính $D_{1,3}$(cm)	Chiều dài đến cành H_{dc}(m)	Chiều dài vút ngọn H_{vn}(m)	Hình số độ thon F	Tỷ lệ lợi dụng gỗ (không tính củi)	Khối lượng gỗ (m^3)			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)=(3)*(3)*(5)*(6) *(7)*0,785/10.000*	*(9)*	*(10)=(8)*(9)*	*(11)*
I	**Gỗ tròn ($D_{1,3}$): 10cm - 25cm; Chiều dài (H_{dc}): 2m - 4m**						**0,095**		**332.488**	
1	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	14,3	3,0	4,0	0,5	0,7	0,023	3.499.871	80.497	
2	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	14,3	5,5	7,0	0,5	0,7	0,040	3.499.871	139.995	
3	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	15,3	2,8	5,0	0,5	0,7	0,032	3.499.871	111.996	
II	**Gỗ tròn (D1,3): 10cm - 25cm; Chiều dài (Hdc): ≥ 4m**						**2,565**		**13.594.500**	
1	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	12,1	2,5	10,0	0,5	0,7	0,040	5.300.000	212.000	
2	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	16,2	5,0	10,0	0,5	0,7	0,072	5.300.000	381.600	
3	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	17,5	8,0	10,8	0,5	0,7	0,091	5.300.000	482.300	
4	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	17,5	7,0	11,0	0,5	0,7	0,093	5.300.000	492.900	cây 02 nhánh
	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	17,5	7,0	11,0	0,5	0,7	0,093	5.300.000	492.900	
5	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	18,2	8,0	15,0	0,5	0,7	0,136	5.300.000	720.800	
6	Gỗ tròn Tếch (Giá tỵ)	18,5	8,0	12,0	0,5	0,7	0,112	5.300.000	593.600	

7	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	19,1	8,0	15,0	0,5	0,7	0,150	5.300.000	795.000	
8	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	19,7	6,0	12,0	0,5	0,7	0,129	5.300.000	683.700	
9	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	20,1	5,4	8,0	0,5	0,7	0,088	5.300.000	466.400	
10	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	20,7	8,0	16,0	0,5	0,7	0,188	5.300.000	996.400	
11	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	21,3	6,1	10,0	0,5	0,7	0,125	5.300.000	662.500	
12	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	21,3	7,0	12,0	0,5	0,7	0,150	5.300.000	795.000	
13	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	22,0	8,0	14,0	0,5	0,7	0,186	5.300.000	985.800	
14	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	22,3	5,1	6,1	0,5	0,7	0,083	5.300.000	439.900	
15	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	22,3	7,5	11,8	0,5	0,7	0,161	5.300.000	853.300	
16	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	22,3	7,0	13,0	0,5	0,7	0,178	5.300.000	943.400	
17	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	23,9	6,0	14,0	0,5	0,7	0,219	5.300.000	1.160.700	
18	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	24,8	9,0	16,0	0,5	0,7	0,271	5.300.000	1.436.300	
III	**Gỗ tròn (D1,3): 25cm - 40cm; Chiều dài (Hdc): ≥ 4m**						**6,429**		**54.876.101**	
1	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	25,5	8,0	12,0	0,5	0,7	0,214	8.535.715	1.826.643	
2	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	25,8	7,0	10,0	0,5	0,7	0,183	8.535.715	1.562.036	
3	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	25,8	6,0	16,0	0,5	0,7	0,293	8.535.715	2.500.964	
4	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	27,1	6,6	10,0	0,5	0,7	0,201	8.535.715	1.715.679	
5	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	27,1	8,5	11,4	0,5	0,7	0,230	8.535.715	1.963.214	
6	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	27,1	8,0	14,0	0,5	0,7	0,282	8.535.715	2.407.072	
7	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	27,1	8,0	16,0	0,5	0,7	0,322	8.535.715	2.748.500	
8	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	28,0	7,5	14,0	0,5	0,7	0,302	8.535.715	2.577.786	
9	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	28,7	8,2	14,0	0,5	0,7	0,316	8.535.715	2.697.286	
10	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	28,7	7,0	15,0	0,5	0,7	0,339	8.535.715	2.893.607	

11	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	28,7	11,0	17,0	0,5	0,7	0,384	8.535.715	3.277.715	
12	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	29,3	8,2	12,0	0,5	0,7	0,283	8.535.715	2.415.607	
13	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	29,6	7,4	13,0	0,5	0,7	0,313	8.535.715	2.671.679	
14	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	29,6	6,5	16,0	0,5	0,7	0,386	8.535.715	3.294.786	
15	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	32,2	8,2	16,0	0,5	0,7	0,455	8.535.715	3.883.750	
16	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	33,4	8,0	12,0	0,5	0,7	0,369	8.535.715	3.149.679	
17	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	33,4	4,0	14,0	0,5	0,7	0,430	8.535.715	3.670.357	
18	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	33,4	11,0	14,0	0,5	0,7	0,430	8.535.715	3.670.357	
19	Gỗ tròn Tếch (Giá ty)	39,8	8,3	16,0	0,5	0,7	0,697	8.535.715	5.949.393	
IV	**Củi (gỗ tận dụng cành, nhánh)**						**1,304**	850.000	**1.108.400**	
Tổng cộng							**10,393**		**69.911.489**	

Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, chín trăm mười một ngàn, bốn trăm tám mươi chín đồng./.